

Số: **98** /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày **15** tháng **02** năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Thư viện Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Thư viện Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Thư viện Việt Nam đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (nhiệm kỳ 2011 - 2016) của Hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2011 tại thành phố Hà Nội.

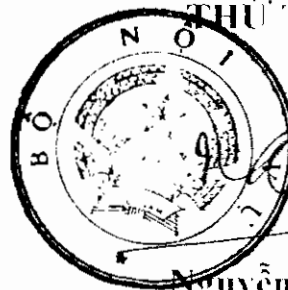
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Thư viện Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Chức*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Công an;
- Lưu: VT, TCTP, N

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Đinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)

HỘI THƯ VIỆN VIỆT NAM

*(Phê duyệt theo Quyết định số: 98/QĐ-BNV
ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Hội Thư viện Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Vietnam Library Association.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: VLA.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Thư viện Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân Việt Nam đã và đang hoạt động trong lĩnh vực thư viện, liên quan đến thư viện, hoặc có tâm huyết, nhiệt tình với hoạt động thư viện.

2. Hoạt động của Hội góp phần xây dựng ngành thư viện Việt Nam ngày càng vững mạnh, khẳng định vai trò, vị trí của thư viện trong xã hội và đời sống văn hoá của nhân dân, phục vụ có hiệu quả cho công cuộc phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của đất nước.

3. Hội mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế theo quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ chuyên môn, thúc đẩy tốc độ và quy mô phát triển sự nghiệp thư viện theo xu thế hội nhập quốc tế.

4. Hội là diễn đàn để những người làm công tác thư viện, liên quan đến thư viện và quan tâm tới thư viện trao đổi kinh nghiệm, động viên khuyến khích, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, tập hợp sức mạnh trí tuệ để giải quyết những vấn đề chung của ngành.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

Tổ chức và hoạt động của Hội thực hiện theo nguyên tắc:

1. Dân chủ, tự nguyện, tự quản, tự trang trải về kinh phí và chịu trách nhiệm trước pháp luật;
2. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số.

Điều 4. Phạm vi hoạt động

1. Hội Thư viện Việt Nam hoạt động trong phạm vi cả nước.
2. Hội xây dựng mối quan hệ thường xuyên với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.
3. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các Bộ, ngành khác về lĩnh vực Hội hoạt động.

Điều 5. Địa vị pháp lý của Hội

1. Hội hoạt động độc lập, có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu, biểu tượng và tài khoản riêng tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.
2. Trụ sở chính của Hội đặt tại thành phố Hà Nội. Khi cần Hội được thành lập các tổ chức, đơn vị trực thuộc, các chi hội, chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI

Điều 6. Nhiệm vụ của Hội

1. Tập hợp, đoàn kết những người làm công tác thư viện, các tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan đến lĩnh vực thư viện, phát huy tiềm năng trí tuệ của mình phục vụ cho sự nghiệp thư viện.
2. Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân quan tâm đến hoạt động thư viện, huy động mọi nguồn lực cho sự nghiệp thư viện ngày càng phát triển.
3. Nghiên cứu đề xuất với Đảng, Nhà nước về chủ trương, đường lối, chính sách, biện pháp nhằm bảo vệ và phát huy giá trị của các di sản văn hoá thành văn và phi thành văn trong các thư viện theo quy định của pháp luật.
4. Đề xuất, phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan trong việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho hội viên, giúp hội viên đạt tiêu chuẩn nghề nghiệp và duy trì hoạt động nghề nghiệp ở trình độ cao.
5. Tổ chức và giúp đỡ các hoạt động liên kết kinh tế, khoa học, dịch vụ thư viện, dịch vụ thông tin với các cơ quan, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức nghề nghiệp, nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho hội viên theo quy định của pháp luật.
6. Nghiên cứu, ứng dụng, phổ biến những thành tựu khoa học và công nghệ vào hoạt động thư viện.
7. Tổ chức các dịch vụ chuyên môn, dịch vụ tư vấn thiết kế trụ sở thư viện; dịch vụ nghiên cứu và phân biện các công trình khoa học của thư viện theo quy định của pháp luật.

8. Xây dựng và phát triển các mối quan hệ liên kết hoạt động giữa các loại hình thư viện, các mạng lưới thư viện trong cả nước nhằm phát huy thế mạnh của toàn ngành theo quy định của pháp luật.

9. Mở rộng hợp tác, giao lưu với các tổ chức nước ngoài và quốc tế về thư viện, khuyến khích và tạo điều kiện cho hội viên gặp gỡ, trao đổi và hợp tác với các tổ chức thư viện của các nước theo quy định của pháp luật. Vận động, tạo điều kiện để cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp trí tuệ và sức lực xây dựng sự nghiệp thư viện, góp phần thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

10. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của hội viên và các tổ chức thành viên theo quy định của pháp luật.

11. Phát triển hội viên mới.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Hội

1. Tham gia đề xuất với Đảng, Nhà nước về chủ trương, đường lối, chính sách phát triển sự nghiệp thư viện theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức các lớp bồi dưỡng tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho hội viên.

3. Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học về thư viện.

4. Tổ chức các hoạt động nhằm tăng cường quảng bá cho nghề thư viện: Tổ chức trưng bày, triển lãm sách báo, tranh ảnh, các trang thiết bị kỹ thuật thư viện, các mẫu thiết kế chuyên dùng cho thư viện; tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật nhằm tuyên truyền, giới thiệu các sản phẩm và các hoạt động thư viện.

5. Tham gia hội đồng thẩm định do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan khác thành lập khi được mời, để công nhận, xét thưởng các công trình khoa học, sản phẩm của ngành. Tham gia tư vấn, thẩm định các dự án, đề tài nghiên cứu, chương trình đào tạo, sản phẩm của ngành khi được các cơ quan, tổ chức yêu cầu.

6. Xét và trao giải thưởng cho các công trình nghiên cứu khoa học về thư viện do hội viên, tổ chức thuộc Hội nghiên cứu.

7. Tiến hành các công trình nghiên cứu khoa học về thư viện.

8. Được thành lập các liên chi hội và các tổ chức trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Hội.

9. Quan hệ với các tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài trong lĩnh vực thư viện theo quy định của pháp luật.

10. Xuất bản tạp chí và các tài liệu khác về lĩnh vực thư viện theo quy định của pháp luật.

11. Quyết định những vấn đề tài chính theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

12. Hàng năm, Hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực mà Hội hoạt động, chậm nhất vào ngày 01 tháng 12 hàng năm.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Đối tượng, điều kiện trở thành hội viên

1. Các tổ chức, công dân Việt Nam đã và đang hoạt động trong lĩnh vực thư viện hoặc có tâm huyết với thư viện, tích cực tham gia đóng góp cho sự nghiệp thư viện.

2. Tán thành Điều lệ Hội, có đơn tự nguyện xin gia nhập Hội.

Điều 9. Hội viên chính thức, hội viên danh dự

1. Hội viên chính thức: Các tổ chức, công dân Việt Nam có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ Hội Thư viện Việt Nam.

2. Hội viên danh dự: Các tổ chức, công dân Việt Nam không phải là hội viên chính thức, nhưng có đóng góp tích cực, hiệu quả cho hoạt động của Hội thì được Hội mời là hội viên danh dự. Hội viên danh dự có nghĩa vụ, quyền lợi như hội viên chính thức (trừ các quyền: Ứng cử, đề cử, bầu cử các chức danh lãnh đạo các cấp trong Hội và biểu quyết các vấn đề của Hội).

Điều 10. Kết nạp hội viên

1. Tổ chức, cá nhân xin vào Hội phải có hồ sơ theo quy định của Ban Chấp hành Hội.

2. Hồ sơ xin vào Hội được Chi hội hoặc Hội thành viên xem xét và đề nghị Ban Thường vụ Hội quyết định.

3. Thủ tục kết nạp hội viên do Ban Thường vụ Hội quy định.

Điều 11. Nghĩa vụ hội viên

1. Chấp hành Điều lệ Hội, nghị quyết của Hội và của các tổ chức cơ sở Hội nơi mình sinh hoạt.

2. Tích cực xây dựng Hội ngày càng phát triển lớn mạnh. Bảo vệ uy tín của Hội.

3. Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chủ động, sáng tạo trong công tác.

4. Sinh hoạt và đóng hội phí đầy đủ.

5. Tuyên truyền phát triển hội viên mới.

Điều 12. Quyền lợi hội viên

1. Được cấp thẻ hội viên.
2. Được tham gia sinh hoạt và biểu quyết các công việc của Hội.
3. Được đề cử, ứng cử, bầu cử vào các cơ quan lãnh đạo Hội.
4. Được chất vấn, góp ý, phê bình các cơ quan lãnh đạo và các cơ quan trực thuộc Hội.
5. Được Hội giúp đỡ đăng ký với các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước về bảo vệ quyền tác giả các sáng kiến, cải tiến và các công trình nghiên cứu khoa học.
6. Được tham dự các cuộc hội thảo khoa học, các buổi sinh hoạt câu lạc bộ, các lớp tập huấn, các cuộc tham quan trong và ngoài nước do Hội tổ chức (khi có điều kiện).
7. Được hưởng các quyền lợi tinh thần và vật chất do hoạt động của Hội mang lại.
8. Được yêu cầu Hội bảo vệ quyền lợi hợp pháp của hội viên theo quy định của pháp luật.
9. Được xin ra khỏi Hội.
10. Được khen thưởng khi có thành tích.

Điều 13. Thủ tục hội viên ra khỏi Hội

1. Hội viên tự nguyện xin ra khỏi Hội phải có đơn gửi đến tổ chức cơ sở Hội nơi mình sinh hoạt để báo cáo Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định.
2. Hội viên làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín và lợi ích của Hội; hội viên mất quyền công dân; hội viên không đóng hội phí 12 (mười hai) tháng liên tiếp mà không có lý do chính đáng thì Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định khai trừ và xóa tên trong danh sách hội viên.
3. Thủ tục xin ra Hội, khai trừ hội viên do Ban Thường vụ Hội quy định.

Chương IV TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 14. Cơ cấu tổ chức của Hội

Cơ cấu tổ chức của Hội gồm có:

- a) Đại hội đại biểu toàn quốc;
- b) Ban Chấp hành Hội;
- c) Ban Thường vụ Hội;
- d) Ban Kiểm tra Hội;
- d) Liên chi hội, chi hội và các đơn vị trực thuộc Hội.

Điều 15. Cơ quan lãnh đạo Hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội.
2. Cơ quan điều hành giữa hai nhiệm kỳ Đại hội là Ban Chấp hành Hội.
3. Cơ quan giải quyết các công việc thường xuyên của Hội là Ban Thường vụ Hội.

Điều 16. Đại hội đại biểu toàn quốc, đại hội bất thường và hội nghị thường niên

1. Đại hội đại biểu toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội, do Ban Chấp hành Hội triệu tập 05 (năm) năm một lần với sự tham gia ít nhất của trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức và phải được sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đại hội đại biểu toàn quốc có nhiệm vụ:

- a) Thảo luận, báo cáo tổng kết nhiệm kỳ cũ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ mới của Hội;
- b) Thảo luận, góp ý báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;
- c) Thảo luận và quyết định những vấn đề kinh tế, tài chính của Hội;
- d) Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Hội (nếu có);
- đ) Giới thiệu, đề cử, ứng cử và bầu cử Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;
- e) Thảo luận và thông qua nghị quyết của Đại hội.

2. Đại hội bất thường: Được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức của Hội đề nghị và phải được sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Hội nghị thường niên: Căn cứ vào tình hình hoạt động cụ thể, Hội có thể tổ chức hội nghị thường niên của hội 01 năm 01 lần để tổng kết đánh giá hoạt động của Hội và phương hướng hoạt động cho năm tiếp theo.

4. Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội phải được ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tán thành.

Điều 17. Đại biểu dự Đại hội

1. Đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc là đại biểu chính thức được bầu từ đại hội cơ sở, mỗi hội viên chỉ được tham dự ở một đại hội cơ sở. Các ủy viên Ban Chấp hành Hội trong nhiệm kỳ là đại biểu chính thức đương nhiên của Đại hội.

2. Số lượng đại biểu chính thức và đại biểu dự khuyết do Ban Chấp hành Hội quy định.

3. Việc bãi miễn quyền đại biểu do Ban Kiểm tra tư cách đại biểu đề nghị và Đại hội quyết định.

4. Trường hợp khuyết đại biểu chính thức thuộc tổ chức cơ sở nào thì đại biểu dự khuyết của tổ chức đó thay thế.

Điều 18. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội đại biểu toàn quốc bầu.

2. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định.

3. Ban Chấp hành bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Tổng thư ký và các ủy viên Thường vụ Hội.

4. Ban Chấp hành Hội họp thường kỳ một năm một lần và có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc của ít nhất 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành Hội:

a) Điều hành hoạt động của Hội theo phương hướng nhiệm vụ Đại hội đã thông qua;

b) Quyết định các chủ trương, chính sách quan trọng về đối nội, đối ngoại; xây dựng và chỉ đạo thực hiện các kế hoạch hoạt động, kế hoạch ngân sách của Hội đã được Đại hội đại biểu toàn quốc thông qua;

c) Quyết định việc gia nhập các tổ chức quốc gia, khu vực, quốc tế trong lĩnh vực thư viện theo quy định của pháp luật;

d) Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội, Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Hội và các tổ chức trực thuộc Hội;

đ) Chuẩn bị nội dung, chương trình nghị sự và tài liệu trình Đại hội;

e) Khi cần thiết, Ban Chấp hành Hội có quyền bầu bổ sung hoặc miễn nhiệm các thành viên Ban Chấp hành, ủy viên Thường vụ, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch. Số lượng bổ sung Ban Chấp hành không quá 1/3 (một phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

6. Các quyết định của Ban Chấp hành Hội chỉ được ban hành khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành tán thành.

Điều 19. Ban Thường vụ

Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên Thường vụ. Số lượng Phó Chủ tịch và các ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành Hội quy định. Ban Thường vụ họp 03 (ba) tháng một lần.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

1. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội, của Ban Chấp hành và các công việc thường xuyên của Hội;

2. Thành lập các tổ chức trực thuộc Hội. Bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ phụ trách các tổ chức trực thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành Hội;

3. Chỉ đạo, theo dõi, phối hợp hoạt động của các hội thành viên, chi hội, Ban Kiểm tra, các tiểu ban chuyên môn nghiệp vụ của Hội;

4. Các quyết định của Ban Thường vụ Hội chỉ được ban hành khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Thường vụ tán thành.

Điều 20. Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên Thường vụ

1. Chủ tịch Hội có nhiệm vụ:

a) Lãnh đạo và điều hành công tác của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Triệu tập và chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Phân công các Phó Chủ tịch phụ trách từng mặt công tác của Hội;

d) Quyết định thành lập liên chi hội, chi hội và các tổ chức trực thuộc Hội;

đ) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành về việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

2. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch phụ trách một số lĩnh vực công tác được Chủ tịch phân công và thay mặt Chủ tịch khi được ủy quyền.

3. Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Tổng thư ký là người chịu trách nhiệm tổ chức điều hành mọi công việc của cơ quan Hội và thay mặt Chủ tịch khi được ủy quyền.

4. Ủy viên Thường vụ được Chủ tịch Hội phân công phụ trách từng phần việc cụ thể của Hội.

5. Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, ủy viên Thường vụ Hội chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Chủ tịch Hội về việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

Điều 21. Ban Kiểm tra

Ban Kiểm tra do Đại hội đại biểu toàn quốc bầu. Số lượng ủy viên và thể thức bầu Ban Kiểm tra do Đại hội quy định. Trưởng Ban Kiểm tra là ủy viên Ban Thường vụ Hội.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm tra:

1. Kiểm tra việc thi hành Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội, các quy định của Ban Chấp hành, của Ban Thường vụ Hội;

2. Kiểm tra các hoạt động nghiệp vụ, kinh tế, dịch vụ của các tổ chức trực thuộc Hội;

3. Đề xuất, kiến nghị xử lý các khiếu nại, tố cáo của hội viên. Kết quả các đợt kiểm tra phải báo cáo bằng văn bản về Ban Chấp hành Hội xem xét, xử lý theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

4. Ban Kiểm tra họp định kỳ 06 (sáu) tháng một lần và có thể họp bất thường theo đề nghị của Chủ tịch Hội hoặc của Trưởng Ban Kiểm tra.

Điều 22. Hội thành viên

1. Hội thành viên của Hội Thư viện Việt Nam là Hội Thư viện tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Hội Thư viện cấp tỉnh) được thành lập theo quy định của pháp luật, nếu tán thành Điều lệ và tự nguyện tham gia Hội Thư viện Việt Nam với tư cách là hội thành viên phải được Ban Chấp hành Hội Thư viện Việt Nam chấp thuận. Hội thành viên tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của hội thành viên và phù hợp với Điều lệ của Hội Thư viện Việt Nam.

2. Nhiệm vụ hội thành viên:

- a) Thực hiện Điều lệ của hội thành viên và Điều lệ Hội Thư viện Việt Nam;
- b) Quản lý hội viên, thực hiện các nghị quyết, chương trình công tác của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội;
- c) Phản ánh nguyện vọng, kiến nghị của hội viên với Ban Chấp hành hoặc Ban Thường vụ Hội.

Điều 23. Liên chi hội, chi hội

1. Nơi có nhiều hội viên, nhiều chi hội thì thành lập liên chi hội. Việc thành lập liên chi hội do Ban Thường vụ Hội quyết định.

2. Chi hội Thư viện là tổ chức cơ sở của Hội Thư viện Việt Nam do Ban Thường vụ Hội quyết định thành lập. Nơi có từ 3 phân hội trở lên thì có thể thành lập Chi hội Thư viện.

3. Nhiệm vụ liên chi hội, chi hội:

- a) Thực hiện Điều lệ Hội, các nghị quyết, chương trình công tác của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội;
- b) Quản lý hội viên;
- c) Phản ánh nguyện vọng, kiến nghị của hội viên với Ban Chấp hành hoặc Ban Thường vụ Hội;
- d) Mỗi liên chi hội được bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các uỷ viên;
- đ) Mỗi chi hội được bầu chi hội trưởng, chi hội phó và các uỷ viên.

4. Nhiệm kỳ của liên chi hội, chi hội là 2,5 năm (hai năm rưỡi).

5. Quy chế tổ chức và hoạt động của liên chi hội, chi hội do Ban Thường vụ Hội quy định.

Điều 24. Các đơn vị trực thuộc Hội

Việc thành lập các đơn vị trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật. Các đơn vị trực thuộc hoạt động theo quy chế của đơn vị do Ban Chấp hành Hội Thư viện Việt Nam phê duyệt.

Chương V

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 25. Nguồn tài sản, tài chính của Hội

1. Tài sản của Hội bao gồm tiền và hiện vật. Nguồn tài chính của Hội gồm có:

- a) Hội phí của hội viên;
- b) Kinh phí từ các nguồn thu hợp pháp trong các hoạt động kinh tế, văn hóa và các hoạt động dịch vụ của Hội;
- c) Các nguồn tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- d) Các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Khoản chi:

- a) Tài chính của Hội được quản lý và chi tiêu theo quy định của pháp luật và của Ban Chấp hành Hội;
- b) Các nguồn tài chính của Hội được dùng để chi phí hành chính, mua sắm tài sản, chi cho các hoạt động nghiệp vụ, hoạt động đối nội, đối ngoại của Hội.

3. Khi Hội giải thể thì tài sản, tài chính của Hội được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Quản lý tài chính, tài sản của Hội

1. Việc quản lý, sử dụng tài sản và tài chính của Hội thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội.

2. Tài chính của Hội phải được báo cáo công khai trong các kỳ Đại hội hoặc Ban Chấp hành Hội.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 27. Khen thưởng

1. Hội viên và các tổ chức của Hội có thành tích xuất sắc sẽ được Hội khen thưởng hoặc đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua và khen thưởng.

2. Ban Chấp hành Hội có nhiệm vụ quy định cụ thể thẩm quyền, thủ tục, tiêu chuẩn và hình thức khen thưởng.

Điều 28. Kỷ luật

1. Hội viên và các tổ chức của Hội vi phạm Điều lệ Hội tùy theo mức độ sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, cách chức đến khai trừ ra khỏi Hội. Hội viên vi phạm luật pháp sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội có nhiệm vụ quy định cụ thể trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Thư viện Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Hội Thư viện Việt Nam gồm 7 Chương 30 Điều, đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Hội Thư viện Việt Nam nhiệm kỳ II (2011-2016) thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2011 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội Vụ.
2. Căn cứ các quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Thư viện Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể và tổ chức thực hiện Điều lệ Hội. Tổ chức Hội, hội viên phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ này. /.